

Kéo phiên âm vào chữ Hán tương ứng

zǐ	zhú	yuè	huǒ
shān	dà	nǚ	tiān
kǒu	mù	shuǐ	rén
hé	tǔ	rì	fū
人	大	天	夫
山	水	日	月
火	土	木	竹
禾	女	子	口